

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 655/2026/HNGĐ – ST.

Ngày: 02/07/2026.

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: **Bà Lê Hương Giang.**

Hội thẩm nhân dân : **Ông Nguyễn Văn Hành.**

Ông Nguyễn Văn Tuất.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Từ Ngọc Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên toà: **Ông Nguyễn Đức Toàn** - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 292/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 05 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị H**, sinh ngày 26/09/1979. (Có mặt).

CCCD số: 001179019918.

Nơi cư trú: Số F, xóm C, thôn K, xã C, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Anh Phạm Văn T**, sinh ngày 15/11/1973. (Vắng mặt).

CCCD số: 001073009391.

Nơi cư trú: Số F, xóm C, thôn K, xã C, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị H trình bày:

- **Về tình cảm:** Chị và anh Phạm Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là UBND xã C, thành phố Hà Nội) ngày 14/03/1998. Đây là lần kết hôn đầu tiên của chị và anh T. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không có tiếng nói chung, anh T đối xử với chị và bố mẹ chị rất tệ, thậm chí anh T còn nhiều lần đánh đập chị. Việc vợ chồng anh chị mâu thuẫn gia đình có biết, có hòa giải, anh T cũng nhiều lần xin lỗi và anh chị cũng đã ngồi lại nói chuyện, cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả, anh T vẫn không thay đổi. Tuy rằng

hiện tại anh chị vẫn đang sống chung một nhà, nhưng anh chị đã sống ly thân một thời gian và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

- **Về con chung:** Chị và anh T có 03 con chung là Phạm Thị Thu T1, sinh ngày 30/12/1998; Phạm Thị Khánh L, sinh ngày 11/09/2001 và Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 03/07/2006. Cháu T1, cháu L và cháu N đều đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên việc ở với ai do các cháu tự quyết định.

- **Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản):** Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong các lời khai tại Tòa án, bị đơn - anh Phạm Văn T trình bày:

- **Về tình cảm:** Anh xác nhận lời trình bày của chị Nguyễn Thị H về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như về quá trình vợ chồng chung sống, anh không bổ sung gì thêm. Quá trình chung sống anh xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất phát sinh trong sinh hoạt hàng ngày. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh là do một phần anh thiếu quan tâm, chăm sóc đến vợ con và một phần do anh mải làm ăn.

Vợ chồng anh chị có thời gian sống ly thân nhưng anh chỉ nghĩ đơn giản là khoảng thời gian đó chị H giận anh như mọi khi nên không chú ý đến. Hai vợ chồng không trao đổi với nhau để tìm hướng khắc phục mâu thuẫn. Nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con. Anh sẽ cố gắng thay đổi bản thân, quan tâm, chăm lo đến vợ nhiều và không làm điều gì khiến chị H buồn lòng nữa.

Trường hợp chị H không đồng ý hoà giải đoàn tụ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- **Về con chung:** Anh và chị H có 03 con chung là Phạm Thị Thu T1, sinh ngày 30/12/1998; Phạm Thị Khánh L, sinh ngày 11/09/2001 và Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 03/07/2006. Cháu T1, cháu L và cháu N đều đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên việc ở với ai do các cháu tự quyết định.

- **Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản):** Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh đồng ý để chị H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và những ý kiến đã trình bày trong quá trình tham gia tố tụng trước đây. Chị đề nghị Tòa án giải

quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T. Chị không đề nghị tòa án giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Bị đơn – anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hà Nội, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt trong các buổi làm việc với Tòa án nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/30.12.2016 của UBTVQH quy định về án phí xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Chị H và anh T có 03 con chung là Phạm Thị Thu T1, sinh ngày 30/12/1998; Phạm Thị Khánh L, sinh ngày 11/09/2001 và Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 03/07/2006. Cháu T1, cháu L và cháu N đều đã thành niên (đủ 18 tuổi), việc ở với ai do các cháu tự quyết định nên không xét.

- Về tài sản và các yêu cầu khác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Phạm Văn T có nơi ở tại Số F, xóm C, thôn K, xã C, thành phố Hà Nội. Vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn – anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là UBND xã C, thành phố Hà Nội).

Qua lời khai và trình bày của các bên cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T trong cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, việc cãi vã thường xuyên xảy ra. Anh chị đã sống ly thân một thời gian. Việc vợ chồng anh chị mâu thuẫn gia đình có biết và có hòa giải nhưng không thành. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện về thời gian cho các bên hòa giải đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Chị H khẳng định không còn tình cảm và cương quyết ly hôn. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng lại không đưa ra được bất cứ giải pháp nào để hàn gắn quan hệ với vợ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc giải quyết cho anh chị ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

- Về con chung:

Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T có 03 con chung là Phạm Thị Thu T1, sinh ngày 30/12/1998; Phạm Thị Khánh L, sinh ngày 11/09/2001 và Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 03/07/2006. Cháu T1, cháu L và cháu N đều đã thành niên (đủ 18 tuổi), việc ở với ai do các cháu tự quyết định nên không xét.

- Về tài sản và nhà ở chung:

Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo:

Về án phí: Chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ các nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Mục 1.1 khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14;

Xử:

I. Về quan hệ hôn nhân:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.
2. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn T.

II. Về con chung:

Chị H và anh T có 03 con chung là Phạm Thị Thu T1, sinh ngày 30/12/1998; Phạm Thị Khánh L, sinh ngày 11/09/2001 và Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 03/07/2006. Cháu T1, cháu L và cháu N đều đã thành niên (đủ 18 tuổi), việc ở với ai do các cháu tự quyết định nên không xét.

III. Về tài sản chung:

Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

IV. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007427 ngày 30/03/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

V. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị H có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội ;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội ;
- Phòng THADS khu vực 11 – Hà Nội;
- UBND xã Thắng Lợi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (nay là UBND xã Chương Dương, thành phố Hà Nội), (số 09, quyển số 12, ngày 14/03/1998) ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hương Giang